

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỆ THỦY  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/8/2020

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Nhàn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Quang Huy

Bà Lê Thị Trà Giang

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Châu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 53/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2020 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Vân A, địa chỉ: Đ4, thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2/ *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, địa chỉ: Đ4, thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 28/02/2020, bản tự khai ngày 07/5/2020 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Vân A đều trình bày: Chị và Anh Nguyễn Văn T trước đây yêu nhau và kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 31/3/2014. Sau đó vợ chồng chuyển về quê sống tại xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân, do anh T không chịu khó làm ăn, thường xuyên cờ bạc, ăn chơi, nhậu nhẹt không quan tâm gia đình, vợ, con nên giữa vợ chồng sinh ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nhiều lần chị đã lựa lời góp ý, động viên anh T tu chí làm ăn, quan tâm xây dựng gia đình nhưng anh T vẫn theo lối sống riêng mình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn càng căng thẳng, nhất là từ năm 2018 cho đến nay, giữa chị và anh T không còn quan tâm đến nhau nữa và đã sống ly thân kể từ tháng 01 năm 2020. Hiện tại chị A xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và yêu cầu được ly hôn anh T.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai cũng như các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tổng đạt hợp lệ.

Con chung: Chị Trần Thị Vân A trình bày: Chị và anh T có hai con chung Nguyễn Trần N, sinh ngày 13/11/2014; Nguyễn Trần Đức T, sinh ngày

28/02/2019. Sau khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi cả hai con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng(mỗi con 1.000.000 đồng).

Tài sản chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Vân A và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn với nhau ngày 31/3/2014 tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về quê chung sống hạnh phúc chị được một thời gian ngắn đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp; anh T không chú tâm làm ăn, thiếu quan tâm vợ, con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xích mích, xúc phạm nhau làm mất mát tình cảm. Chị A cũng như gia đình hai bên đã vận động, góp ý mong rằng anh T thay đổi nhưng không có kết quả nên chị A đã sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm gì đến ai nữa. Hiện tại chị A xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và yêu cầu được ly hôn anh T.

Anh T đã được Tòa án thông báo các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, kể cả phiên tòa lần thứ hai được tổng đạt hợp lệ nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Qua xác nhận của Công an xã M, anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú và đang làm ăn, sinh sống tại địa phương xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Qua đó, chứng tỏ, anh Tài đã nhận được các thông báo của Tòa án nhưng cố tình không chấp hành, thể hiện không quan tâm việc bảo vệ hạnh phúc gia đình, không có thiện chí xây dựng và cải thiện cuộc sống chung với chị A nữa.

Xét thấy, tình trạng vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho hai bên ly hôn nhau là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị A, anh T có hai con chung, từ khi vợ chồng ly thân đến nay hai con vẫn ở với chị A, để ổn định cuộc sống cho các con đồng thời hai con đang trong độ tuổi cần phải có sự chăm sóc của người mẹ, con thứ hai dưới 36 tháng tuổi. Anh T vắng mặt nên không thể hiện ý chí nguyện vọng gì về con, Hội đồng xét xử thấy, yêu cầu của chị A là chính đáng nên cần chấp nhận để giao hai con cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc anh T cấp dưỡng nuôi hai con hàng tháng là phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Tài sản chung: Chị A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị A, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

*Vì các lẽ trên;*

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Trần Thị Vân A và anh Nguyễn Văn T được ly hôn nhau.

2. Về con chung: Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử giao cho chị Trần Thị Vân A được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con Nguyễn Trần N, sinh ngày 13/11/2014 và Nguyễn Trần Đức T, sinh ngày 28/02/2019, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng(mỗi con 1.000.000 đồng), kể từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy theo biên lai số: 0005991 ngày 02/3/2020. Chị A đã nộp đủ án phí. Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng 300.000 đồng.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Chị Trần Thị Vân A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/8/2020); anh Nguyễn Văn T được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS h. Lệ Thủy;
- UBND xã H, h K, tỉnh Đăk Lăk(đã KH ngày 31/3/2014);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**(Đã ký)**

**Trương Thị Nhân**